

**THÔNG BÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU GÓP VỐN  
ĐỂ HOÁN ĐỔI LẤY MỘT LÔ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF  
BASKET OF COMPONENT SECURITIES TO EXCHANGE**

**Kính gửi:**

- Sở giao dịch Chứng khoán TP. HCM/ Ho Chi Minh Stock Exchange
- Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam/ Vietnam Securities Depository
- Các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà đầu tư/ Authorised Participants and Investors

## 1. Tên CTQLQ/Fund management Company:

Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A

/ I.P.A Securities Investment Fund Management Limited Company

## 2. Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng Vietcombank

## 3. Mã chứng khoán/ Securities code: FUEIP100

## 4. Tên quỹ ETF/ ETF name: Quỹ ETF IPAAM VN100

## 5. Địa chỉ trụ sở chính/ Main office address: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

## 6. Ngày giao dịch hoán đổi/Exchange Date: 17/11/2023

## 7. Đơn vị tính/Unit: 1 lô ETF = 100.000 Chứng chỉ quỹ ETF/ 1 Creation Unit = 100.000 ETF shares.

**Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/****Component and weight of securities to exchange for an ETF Creation Unit as follow:**

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
No	Securities code	Quantity	Weight
I.	Chứng khoán/Stock		
1	FPT	500	5.79%
2	VPB	2,300	5.70%
3	HPG	1,600	5.42%
4	ACB	1,700	4.93%
5	TCB	1,100	4.34%
6	VNM	400	3.50%
7	STB	900	3.38%
8	VIC	600	3.37%
9	VCB	300	3.29%
10	MBB	1,400	3.22%
11	MWG	600	3.10%
12	VHM	600	3.07%
13	MSN	300	2.46%
14	HDB	1,000	2.36%
15	LPB	1,100	2.14%
16	SSB	700	2.04%
17	SHB	1,400	2.02%
18	SSI	500	2.01%
19	EIB	800	1.90%
20	VIB	700	1.71%
21	TPB	700	1.52%

22	CTG	400	1.51%
23	VJC	100	1.35%
24	MSB	800	1.34%
25	FRT	100	1.29%
26	KDH	300	1.19%
27	DGC	100	1.19%
28	VRE	400	1.19%
29	KBC	300	1.16%
30	OCB	600	1.05%
31	VND	400	1.05%
32	VCI	200	1.03%
33	GAS	100	1.00%
34	PNJ	100	0.97%
35	VHC	100	0.91%
36	GMD	100	0.88%
37	GEX	300	0.84%
38	HSG	300	0.81%
39	SAB	100	0.80%
40	KDC	100	0.79%
41	DXG	300	0.77%
42	REE	100	0.72%
43	VPI	100	0.70%
44	PDR	200	0.68%
45	DIG	200	0.65%
46	DGW	100	0.64%
47	VIX	300	0.63%
48	BID	100	0.54%
49	BVH	100	0.51%
50	NLG	100	0.47%
51	PLX	100	0.43%
52	DPM	100	0.42%
53	DCM	100	0.40%
54	PC1	100	0.37%
55	HCM	100	0.37%
56	HDG	100	0.35%
57	SBT	200	0.35%
58	PVD	100	0.34%
59	HAG	300	0.34%
60	PVT	100	0.32%
61	TCH	200	0.31%
62	DBC	100	0.30%
63	POW	200	0.29%
64	VCG	100	0.29%

010  
MỘT  
QUẢN  
C  
/ BÀ



65	NKG	100	0.27%
66	GVR	100	0.25%
67	PAN	100	0.24%
68	BCG	200	0.22%
69	HHV	100	0.19%
II.	Tiền/Cash (VND)	18,826,074	

**Chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/**

**Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF creation Unit as follow:**

Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket : (VND) 803,435,000

Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per ETF creation unit : (VND) 822,261,074

Giá trị chênh lệch/Cash component : (VND) 18,826,074

**Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:**

- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/For Creation Order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference in to the Fund's Account.

- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/For Redemption Order:

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee.

**Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay thế bằng tiền (nếu có)/ In case, component securities can be replaced by cash (if any)**

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	Securities code	Substitution cash per share VND	Applied to	Reason
1	ACB	23,300	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
2	BID	43,750	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định khoản 4(a) điều 28 thông tư 121/2020/TT-BTC BVSC: Restriction of ownership by Circular
3	FPT	93,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
4	GMD	71,100	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
5	MBB	18,500	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
6	MWG	41,500	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
7	PNJ	78,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
8	REE	57,900	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
9	TCB	31,700	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
10	TPB	17,500	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
11	VPB	19,900	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
12	VND	21,000	VND	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading

Thông tin đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty/Quỹ tại đường dẫn: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>

This information was disclosed on Company/Funds Portal at: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>

3178  
NG TY  
NHH  
ÀNH V  
QUỸ Đ  
G KHO  
P.A  
NG -

Đại diện tổ chức/Organization Representative  
Người được ủy quyền công bố thông tin/Persons Authorized to Disclose Information  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có) (Signature, full name and seal - if any)



Tổng giám đốc  
Nguyễn Hồ Nga

